TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2025/QĐST-VLĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
(V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu)

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Thế Vọng.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 01/2025/TLST-VLĐ ngày 02 tháng 7 năm 2025 về việc: "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp số 04/2025/QĐST-VLĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu*: Chị Trần Thị Ngọc S, sinh năm 1993; đăng ký thường trú: Ấp B, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã K, thành phố Cần Thơ); tạm trú: Số A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Công ty TNHH A; trụ sở: Lô C, đường H, khu công nghiệp K, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

+ Chị Thạch Thị Ngọc T, sinh năm 2001; cư trú tại: Ấp T, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã M, thành phố Cần Thơ).

+ Bảo hiểm xã hội Cơ sở T1; địa chỉ: Số A, đường L, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu ngày 30 tháng 5 năm 2025 và quá trình giải quyết, chị Trần Thị Ngọc S trình bày:

Chị Trần Thị Ngọc S làm việc tại Công ty TNHH F; trụ sở: Lô 1-4, 10-13, 26-37, Đường số C, KCN trong KCX L, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

(nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) thời gian từ tháng 4/2011 đến tháng 4/2024 và có thời gian đóng bảo hiểm là từ tháng 4/2011 đến tháng 4/2024, mã số bảo hiểm là 7911137590.

Khi nghỉ việc tại Công ty TNHH F, chị S được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số 38962 vào ngày 14/6/2024 tại tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng chưa nhận trợ cấp một lần.

Trong khoảng thời gian làm việc tại Công ty TNHH F thì do quen biết với chị Thạch Thị Ngọc T, sinh năm 2001; cư trú tại: Ấp T, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã M, thành phố Cần Thơ). Do tại thời điểm này chị T từ dưới quê lên tỉnh Bình Dương tìm việc làm nhưng chưa đủ tuổi và kinh tế gia đình chị T khó khăn nên chị S đã cho chị T mượn giấy chứng minh nhân dân để tạo điều kiện cho chị T được đi làm việc, kiếm tiền phụ giúp gia đình. Cụ thể, từ tháng 3/2012 đến tháng 01/2017, chị T trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH A; trụ sở: Lô C, đường H, khu công nghiệp K, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng mang tên Trần Thị Ngọc S. Trong quá trình làm việc tại Công ty TNHH A, chị T có tham gia đóng bảo hiểm dưới tên chị Trần Thị Ngọc S từ tháng 3/2012 đến tháng 01/2017, mã số bảo hiểm là 7412095112. Ngày 22/01/2017, chị T nghỉ việc theo Quyết định thôi việc số 1280/QĐ-AS của Công ty TNHH A đối với chị Trần Thị Ngọc S.

Sau khi nghỉ việc tại Công ty TNHH F, chị S liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh B (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) để làm thủ tục hưởng bảo hiểm theo quy định thì Bảo hiểm xã hội cung cấp do quá trình tham gia bảo hiểm của chị S có sự trùng giữa mã số bảo hiểm 7911137590 và mã số bảo hiểm 7412095112 trong khoảng thời gian từ tháng 3/2012 đến tháng 01/2017 nên chị S không thực hiện được thủ tục hưởng bảo hiểm, cơ quan Bảo hiểm xã hội hướng dẫn chị S khởi kiện tại Tòa án để được giải quyết tuyên huỷ hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH A và chị Trần Thị Ngọc S (do chị Thạch Thị Ngọc T trực tiếp ký hợp đồng và làm việc tại Công ty TNHH A) để xử lý quá trình trùng bảo hiểm của chị S. Vì vậy, nay chị S yêu cầu:

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty A với chị Trần Thị Ngọc S trong khoảng thời gian từ tháng 3/2012 đến tháng 01/2017 là vô hiệu.

Do chị Thạch Thị Ngọc T làm việc tại Công ty TNHH A và trực tiếp ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH A nên chị S không cung cấp được hợp đồng lao động tại Công ty TNHH A cho Toà án.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH A trình bày:

Thời gian từ ngày 01/3/2012 đến 28/02/2017, Công ty có ký hợp đồng lao động có thời hạn, không thời hạn và phụ lục hợp đồng với chị Trần Thị Ngọc S, sinh năm 1993, quê quán: xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã K, thành phố Cần Thơ), Mã số thẻ: 10491, bộ phận: Hàn khí. Cụ thể như sau:

- Thời gian từ 01/3/2012 đến 28/02/2013, Hợp đồng có thời hạn, M lương ký hợp đồng: 2.140.000 đồng.

- Thời gian từ 01/3/2013 đến 28/02/2014, Hợp đồng có thời hạn, M lương ký hợp đồng: 2.640.200 đồng.

- Thời gian từ 01/3/2014 đến 28/02/2015, Hợp đồng có thời hạn, M lương ký hợp đồng: 3.135.300 đồng.

- Thời gian từ 01/3/2015 đến 28/02/2016, Hợp đồng không thời hạn, M lương ký hợp đồng: 3.705.800 đồng.

- Thời gian từ 01/3/2016 đến 28/02/2017, ký Phụ lục hợp đồng, M lương ký hợp đồng: 4.319.800 đồng.

Đến ngày 22/01/2017, chi Trần Thị Ngọc S nghỉ việc, lý do: Xin nghỉ, Công ty có ra Quyết định nghỉ việc.

Trong thời gian chị Trần Thị Ngọc S làm việc, Công ty có tham gia bảo hiểm đầy đủ và khi chị S nghỉ việc Công ty đã chốt trả sổ bảo hiểm cho chị S. Việc, chị Thạch Thị Ngọc T mượn tên chị Trần Thị Ngọc S để ký hợp đồng lao động thì Công ty không biết, nên qua yêu cầu khởi kiện của Trần Thị Ngọc S, Công ty yêu cầu Tòa án xử lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai ngày 23 tháng 7 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thạch Thị Ngọc T trình bày:

Chị Thạch Thị Ngọc T có quen biết với chị Trần Thị Ngọc S. Vào năm 2012, do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị T phải đi tìm việc làm, do không đủ tuổi để ký hợp đồng lao động nên chị T đã mượn giấy chứng minh nhân dân của chị S để xin và làm việc tại Công ty TNHH A. Do Công ty TNHH A không kiểm tra kỹ nên dựa theo hồ sơ đứng tên chị S để ký hợp đồng lao động với chị T và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định từ tháng 3/2012 đến tháng 01/2017. Thời điểm này chị Trần Thị Ngọc S đang làm việc tại Công ty TNHH F.

Do không hiểu rõ pháp luật cũng như các quy định về bảo hiểm xã hội nên khi Công ty TNHH A đăng ký bảo hiểm xã hội thì chị T không thông báo cho bảo hiểm xã hội sửa lại thông tin cho đúng mà vẫn lấy thông tin của chị Trần Thị Ngọc S để đăng ký bảo hiểm. Nay, trước yêu cầu của chị T về việc Tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH A với chị Trần Thị Ngọc S (do chị T trực tiếp ký) trong khoảng thời gian từ tháng 3/2012 đến tháng 01/2017 là vô hiệu thì chị T không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B (nà là Bảo hiểm xã hội Cơ sở T1, Thành phố Hồ Chí Minh) vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên họp:

- Các đương sự gồm chị Trần Thị Ngọc S, đại diện Công ty TNHH A và chị Thạch Thị Ngọc T vắng, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Đại diện Bảo hiểm xã hội Cơ sở T1, Thành phố Hồ Chí Minh vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý việc lao động là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại các Điều 369,

402 của Bộ luật tố Tụng dân sự. Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động đã được xem xét tại phiên họp, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Trần Thị Ngọc S (do chị Thạch Thị Ngọc T ký kết) với Công ty TNHH A từ tháng 3/2012 đến tháng 01/2017 vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Ngọc S có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Hợp đồng được giao kết và thực hiện tại Công ty TNHH A có trụ sở tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc tham gia phiên họp của những người tham gia tố tụng: Người yêu cầu chị Trần Thị Ngọc S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thạch Thị Ngọc T, đại diện hợp pháp cho Công ty TNHH A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Cơ sở T1, Thành phố Hồ Chí Minh vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng, các đương sự khai thống nhất: Trong thời gian từ tháng tháng 3/2012 đến tháng 01/2017, chị Trần Thị Ngọc S được Công ty TNHH A tham gia bảo hiểm xã hội với mã số 7412095112 và Công ty TNHH F, với mã số bảo hiểm là 7911137590. Tuy nhiên, chị S và chị Thạch Thị Ngọc T thừa nhận người ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH A và thực tế làm việc tại Công ty TNHH A là chị Thạch Thị Ngọc T, chứ không phải chị Trần Thị Ngọc S. Đối với chị Trần Thị Ngọc S trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công ty TNHH F. Lời trình bày của chị Trần Thị Ngọc S và chị Thạch Thị Ngọc T phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội, Công văn số 577/BHXH-TST ngày 28/5/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố T thể hiện trong thời gian từ tháng 4/2011 đến tháng 4/2024 chị Trần Thị Ngọc S có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH F với mã số bảo hiểm là 7911137590 và Công ty TNHH A với mã số 7412095112.

[2.2] Xét thấy, việc chị Thạch Thị Ngọc T lấy chứng minh nhân dân của chị Trần Thị Ngọc S để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH A là hành vi

gian dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo quy khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động. Do đó, chị Trần Thị Ngọc S yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH A với chị Trần Thị Ngọc S từ tháng 3/2012 đến tháng 01/2017 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[6] Về lệ phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc S phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, các Điều 149, 361, 367, 369, 370, 371, 372 và Điều 401, Điều 402 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50, 51 của Bộ luật Lao động;

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Trần Thị Ngọc S.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Trần Thị Ngọc S, sinh năm 1993 (do chị Thạch Thị Ngọc T trực tiếp ký kết) với Công ty TNHH A, thời gian từ tháng 3/2012 đến tháng 01/2017 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Chị Trần Thị Ngọc S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003886 ngày 30/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu một, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc từ ngày Quyết định được niêm yết theo

luật định; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 - TPHCM;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng THADS Khư vực 15);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thế Vọng